TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DSST
Ngày: 23/4/2021
V/v "Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hóa

2. Bà Lâm Thị Ngọc Minh

Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông N T N, sinh năm: 1964

Địa chỉ: 506/46B đường Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: ông T B T; địa chỉ: 2.04 Lô A, chung cư B, Phường B, B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 004516, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/6/2020 tại Văn phòng công chứng Tô Khắc Việt), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông P Q H, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: 018 Lô B, chung cư C, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

Bà P T H, sinh năm 1957

Địa chỉ: 152/64/21 Dn, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 15/6/2020, Bản tự khai ngày 09/7/2020, và các Biên bản H giải ngày 10/8/2020 và ngày 04/12/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T B T trình bày:*

Do quen biết với ông P Q H và bà P T H từ trước nên ông N T N có cho ông Q và bà Hvay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay 02 năm, kể từ ngày 15/5/2013 đến ngày 15/5/2015, không lãi suất, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền số công chứng 00009802, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2013 tại Văn phòng công chứng Đầm Sen.

Đến nay đã quá thời hạn vay nhưng ông Q, bà H chưa trả cho ông Đ số tiền trên. Do đó, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông P Q H và bà P T H trả một lần toàn bộ số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến khi xét xử sơ thẩm, trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* *Đối với bị đơn bà P T H* theo kết quả xác minh của Công an Phường 3, Quận 11 ngày 07/7/2020 như sau: "P T H, sinh năm 1957. Hộ khẩu thường trú tại 152/64/27 Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11. Năm 2013 bỏ nhà đi nơi khác, không rõ nơi cư ngụ, không khai báo với chính quyền. Hiện nay địa phương không rõ nơi cư ngụ".

* *Đối với bị đơn ông P Q H* theo kết quả xác minh của Công an Phường 1, Quận 3 ngày 07/7/2020 như sau: "Ông P Q H, sinh năm 1964, có đăng kí hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 018 Lô B, Chung cư C, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại địa phương. Ông Q tự ý đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến nay, khi đi ông Q không trình báo địa phương địa chỉ nơi đến nên hiện nay ông Quang đang ở đâu và làm gì địa phương không rõ".

Bị đơn bà H thường trú ở Quận 11, ông Q hiện thường trú tại Quận 3, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Q, bà H vẫn vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử và thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 và chậm gửi Quyết định hoãn phiên tòa cho Viện kiểm sát theo quy định tại Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét hợp đồng vay tiền giữa ông Đ và ông Q, bà H lập tại Văn phòng công chứng Đầm Sen có nội dung ông Đ cho ông Q và bà Hvay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 15/5/2013 đến ngày 15/5/2015, không lãi suất. Nội dung hợp đồng vay tiền phù hợp với lời trình bày của ông Đ trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án. Hình thức và nội

dung hợp đồng vay tiền ngày 15/5/2013 không trái với các quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông Q và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về trả tiền nợ gốc. Trong hợp đồng vay tiền không có thỏa thuận về việc trả lãi do chậm trả nợ khi đến hạn nên bác yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến khi xét xử sơ thẩm theo khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ, buộc bị đơn ông Q và bà H trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, trả ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đ về việc buộc bị đơn ông Q và bà Htrả tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc tính từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

* *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông P Q H, bà P T H có ký hợp đồng vay tiền với ông N T N ngày 15/5/2013, do đó có cơ sở xác định giữa ông Q, bà H và ông Đ có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, đây là tranh chấp vay tài sản. Do bà H hiện đang thường trú tại địa chỉ 152/64/21 Dn, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về người tham gia tố tụng:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn N T N là ông T B T có Đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông P Q H, bà P T H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm a, b, d khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự*:

* *Xét yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc:*

Ông N T N có cho ông P Q H và bà P T H vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thời hạn vay 02 năm, kể từ ngày 15/5/2013 đến ngày 15/5/2015, không lãi suất, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền số công chứng 00009802, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2013 tại Văn phòng công chứng Đầm Sen.

Ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q và bà H trả một lần toàn bộ số tiền gốc 500.000.000 đồng. Xét thấy nội dung hợp đồng vay tiền đã được

công chứng hợp pháp, phù hợp với lời trình bày của ông N T N trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án. Hình thức và nội dung hợp đồng vay tiền ngày 15/5/2013 không trái với các quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn"*. Đến nay đã quá thời hạn vay nhưng ông Q, bà H chưa trả cho ông Đ số tiền trên, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

* *Về tiền lãi*:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền số công chứng 00009802, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/5/2013 tại Văn phòng công chứng Đầm Sen có nội dung ông Đ cho ông Q và bà Hvay số tiền 500.000.000 đồng, không lãi suất.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 4 Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định: *"Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận"*.

Xét hợp đồng vay tiền giữa ông Đ và ông Q, bà H không có thỏa thuận về việc trả lãi do chậm trả nợ khi đến hạn nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc tính từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở và phù hợp quy định Pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc; Không chấp nhận yêu cầu về việc trả lãi đối với khoản nợ gốc trên.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, yêu cầu của ông N T N được chấp nhận nên bị đơn ông P Q H và bà P T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông N T N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Điểm a, b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N T N.

Buộc ông P Q H và bà P T H có nghĩa vụ thanh toán cho ông N T N số tiền nợ gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Trả một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Q, bà H chậm thực hiện nghĩa vụ nêu trên thì ông Q, bà H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả cho ông N T N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông N T N về việc buộc bị đơn ông P Q H và bà P T H trả tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc tính từ ngày vi phạm hợp đồng cho đến khi xét xử sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: ông P Q H và bà P T H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 12.800.000 (mười hai triệu tám trăm nghìn) đồng cho nguyên đơn ông N T N theo biên lai thu số AA/2019/0015653 ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nguyên đơn, bị đơn nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vũ Vân